

Nội dung bài viết

1. [Bài 1 trang 40 Tập bản đồ Địa Lí 12:](#)
2. [Bài 2 trang 40 Tập bản đồ Địa Lí 12:](#)
3. [Bài 3 trang 41 Tập bản đồ Địa Lí 12:](#)

Bài 1 trang 40 Tập bản đồ Địa Lí 12:

Dựa vào kiến thức trong SGK Địa lí 12, hãy điền vào bảng dưới đây các điều kiện thuận lợi và khó khăn để phát triển ngành thủy sản của nước ta.

Lời giải:

	Về tự nhiên	Về kinh tế-xã hội
Thuận lợi	<ul style="list-style-type: none"> - Vùng biển rộng lớn 1 triệu km² mang lại nguồn lợi hải sản phong phú. - Có 4 ngư trường lớn - Nhiều bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn, vũng vịnh... - Nhiều sông suối, ao hồ nước ngọt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lao động dồi dào, có kinh nghiệm. - Cơ sở vật chất (tàu thuyền, ngư cụ) ngày càng tốt hơn. - Công nghiệp chế biến và dịch vụ thủy sản phát triển. - Cho vay vốn, đầu tư. - Thị trường mở rộng.
Khó khăn	<ul style="list-style-type: none"> - Bão nhiệt đới. - Lũ lụt, ngập úng. - Môi trường một số nơi đang bị suy thoái, nguồn lợi hải sản gần bờ suy giảm 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình độ dân trí còn thấp - Công nghiệp chế biến chưa phát huy hết hiệu quả. - Cạnh tranh lớn với các nước khu vực Bắc Mỹ, châu Âu.

Bài 2 trang 40 Tập bản đồ Địa Lí 12:

Căn cứ vào bảng số liệu dưới đây:

- Tính tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản nói chung và sản lượng của từng hoạt động (đánh bắt, nuôi trồng) nói riêng, rồi điền vào bảng trên:

- Hãy nhận xét tốc độ tăng trưởng:

- Giải thích sự khác nhau về tốc độ tăng trưởng:

Lời giải:

- Tính tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản nói chung và sản lượng của từng hoạt động (đánh bắt, nuôi trồng) nói riêng, rồi điền vào bảng trên:

Năm	Toàn ngành thủy sản	Chia ra	
		Đánh bắt	Nuôi trồng
1995	1.584,4 (100%)	1.195,3 (100%)	389,1 (100%)
2000	2.250,5 (142%)	1.660,9 (139%)	589,6 (151,5%)
2005	3.465,9 (218,8 %)	1.987,9 (166,3%)	1.478,0 (379,9%)
2008	4.602,0 (290,5%)	2.136,9 (178,8%)	2.465,6 (633,7%)

Nhận xét tốc độ tăng trưởng:

- Ngành thủy sản nói chung và đánh bắt, nuôi trồng thủy sản nói riêng đều có tốc độ tăng trưởng nhanh và liên tục trong giai đoạn trên.

+ Ngành thủy sản tăng nhanh từ (290% năm 2008).

+ Nuôi trồng tăng ngày một nhanh chóng và liên tục (633,7% năm 2008).

Giải thích sự khác nhau về tốc độ tăng trưởng:

- Thủy sản đã và đang trở thành ngành mũi nhọn trong chính sách phát triển nông nghiệp nước ta, đặc biệt là ngành chăn nuôi luôn được ưu tiên phát triển nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao cho ngư dân trong khi thủy sản khai thác gần bờ ngày một cạn kiệt.

Bài 3 trang 41 Tập bản đồ Địa Lí 12:

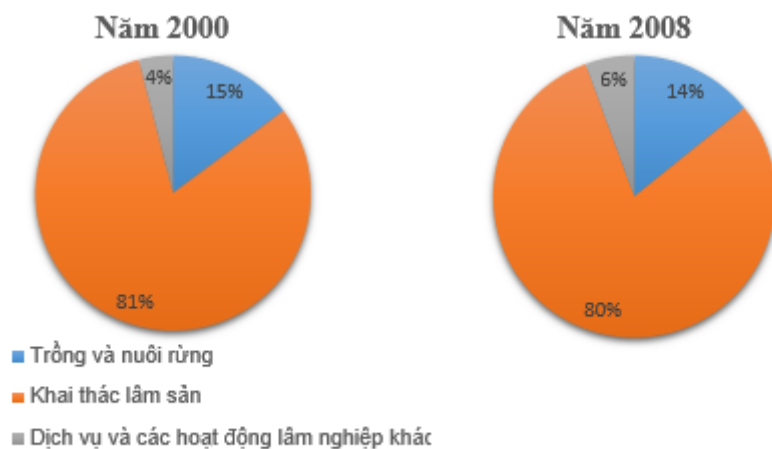
Dựa vào số liệu dưới đây:

Lời giải:

Giá trị sản xuất lâm nghiệp theo giá thực tế phân theo hoạt động của nước ta (tỉ đồng)

Năm	Giá trị sản xuất lâm nghiệp	Chia ra		
		Trồng và nuôi rừng	Khai thác lâm sản	Dịch vụ và các hoạt động lâm nghiệp khác
2000	7.674 (100%)	1.132 (15%)	6.235 (81%)	307 (4%)
2008	14.370 (100%)	2.040 (14%)	11.525 (80%)	805 (6%)

- Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất lâm nghiệp phân theo hoạt động năm 2000 và 2008 (trước khi vẽ, hãy xử lý số liệu và điền vào bảng trên).



Biểu đồ thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất lâm nghiệp

- **Nhận xét và giải thích sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất lâm nghiệp phân theo hoạt động của nước ta:**

• Nhận xét:

- Hoạt động khai thác lâm sản đóng góp nhiều nhất với > 80% và giảm nhẹ từ 81% xuống 80%.

- Hoạt động trồng và nuôi rừng chiếm tỉ trọng ít và giảm dần từ 15% xuống 14%.

- Dịch vụ và các hoạt động khác chưa phát triển, nhưng đang tăng lên (4% – 6%).

• Giải thích:

- Lâm nghiệp nước ta chủ yếu là khai thác thô các loại gỗ để phục vụ xuất khẩu và chế biến sản phẩm. Hoạt động này mang lại giá trị lợi nhuận cao.

- Hoạt động lâm nghiệp còn chưa phát triển chuyên nghiệp, vì vậy dịch vụ lâm nghiệp còn đóng vai trò nhỏ.
- Hoạt động trồng và nuôi rừng vẫn được chú trọng phát triển để bảo vệ đất, hạn chế thiên tai vùng núi.